

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT

TUYỂN SINH ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2021
DANH SÁCH THÍ SINH ĐẠT KẾT QUẢ XÉT TUYỂN HỌC BẠ THPT - ĐỢT GIA HẠN/ĐỢT 2

Ngành: CÔNG NGHỆ ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA - Mã ngành: 7510303

Ngành: HÓA HỌC - Mã ngành: 7440112

Ngành: KHOA HỌC DỮ LIỆU - Mã ngành: 7480109

Ngành: KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG - Mã ngành: 7440301

Ngành: TOÁN HỌC - Mã ngành: 7460101

STT	SBD	Mã ngành	Tên ngành	Họ và tên	Ngày sinh	GT	Mã Tỉnh	Mã Huyện	Đối tượng	Khu vực	Điểm XT	Ghi chú
1	TDL020348	7510303	CNKT điều khiển & tự động hóa	Nguyễn Thái An	19/01/2001	Nam	42	01		1	21.25	
2	TDL020478	7510303	CNKT điều khiển & tự động hóa	Trương Ngọc Doanh	24/10/2003	Nam	45	04	01	1	24.85	
3	TDL020580	7510303	CNKT điều khiển & tự động hóa	Nguyễn Ngọc Giang	22/01/2003	Nam	42	03		1	19.79	
4	TDL020498	7510303	CNKT điều khiển & tự động hóa	Nguyễn Quốc Huy	07/01/2003	Nam	30	03		1	23.75	
5	TDL020115	7510303	CNKT điều khiển & tự động hóa	Nguyễn Thành Lên	26/02/2003	Nam	45	03		2NT	21.13	
6	TDL020414	7510303	CNKT điều khiển & tự động hóa	Nguyễn Đăng Quang	21/04/2002	Nam	42	01		1	20.65	
7	TDL020361	7510303	CNKT điều khiển & tự động hóa	An Giang Sơn	25/11/2001	Nam	63	04		1	24.25	
8	TDL020009	7510303	CNKT điều khiển & tự động hóa	Trần Nguyễn Bảo Sương	21/12/2003	Nữ	42	11		1	21.55	
9	TDL020307	7440112	Hoá học	Nguyễn Văn Quốc Đạt	19/07/2003	Nam	32	07		2NT	18.90	
10	TDL020477	7440112	Hoá học	Nguyễn Khả Thi	13/09/2003	Nữ	42	03		1	24.05	
11	TDL020537	7480109	Khoa học dữ liệu	Đỗ Xuân Đức Chung	09/11/2001	Nam	44	05		2	22.75	
12	TDL020535	7480109	Khoa học dữ liệu	Nguyễn Bá Đạt	17/02/2003	Nam	44	05		2	20.65	
13	TDL020322	7440301	Khoa học môi trường	Nguyễn Huỳnh Minh Lễ	02/10/2003	Nam	42	01		1	22.85	
14	TDL020138	7440301	Khoa học môi trường	Huỳnh Trúc Linh	22/10/2002	Nữ	42	11		1	21.05	
15	TDL020526	7440301	Khoa học môi trường	Lê Đình Trọng	04/10/2003	Nam	42	01		1	22.25	
16	TDL020565	7460101	Toán học	Văn Ngọc Khánh Huyền	30/01/2003	Nữ	45	04	01	2	25.05	

Tổng danh sách: 16 thí sinh